



CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2018
đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

Trụ sở chính: Số 29, Hoàng Sa, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. Tel: (84-28) 3910 3908 -3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880
CN Hà Nội: Liên kế 07 TT2/96B Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, HN. Tel: (84-24) 3994 7969 / Fax: (84-24) 3793 1429

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	6 – 39
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 39

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Vang Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2018 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001012 ngày 03 tháng 5 năm 2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con trong năm hiện tại bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Xuân Hà	Chủ tịch HĐQT
Bà Phan Thị Bích Ngọc	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Thọ	Ủy viên
Ông Trần Vũ Tuấn	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Quý	Ủy viên

GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này là:

Ông Phạm Xuân Hà	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2017
Bà Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

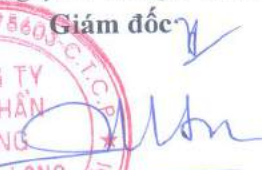

Báo cáo của **Giám đốc** (tiếp theo)

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2018

Giám đốc 

Phạm Xuân Hà

Số: *MA*/2018/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long, được lập ngày 11 tháng 6 năm 2018, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, một số khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền 2.058.191.541 đồng. Nếu thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi sẽ làm cho các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất gồm: "Chi phí quản lý doanh nghiệp" tăng lên và "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" giảm đi cùng số tiền 2.058.191.541 đồng. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất gồm: "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" tăng lên và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" giảm đi cùng số tiền 2.058.191.541 đồng.
- Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn số tiền 320.000.000 đồng (trong đó dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Rượu Hapro là 120.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long 200.000.000 đồng). Nếu thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn sẽ làm cho các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất gồm: "Chi phí tài chính" tăng lên, "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" giảm đi cùng số tiền 320.000.000 đồng, "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" giảm đi số tiền 64.000.000 đồng. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất gồm: "Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn" tăng lên số tiền 320.000.000 đồng, "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" giảm đi số tiền 64.000.000 đồng và "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" giảm đi số tiền 256.000.000 đồng.

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-028) 3910 4881 * Fax: (84-028) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

4 Glosbe 07 TT2/96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan, Ha Noi
Tel: (84-24) 3994 7969 * Fax: (84-24) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại ngày 31 tháng 3 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phù nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo này về việc đến thuyết minh số V.05, các khoản chi khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên phát sinh từ năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 số tiền 2.045.035.045 đồng chưa có nguồn để bù đắp Công ty đang theo dõi trên khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác”. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/CPVTL-ĐHCĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018, khoản chi quỹ khen thưởng phúc lợi này dự kiến được bù đắp từ lợi nhuận sau thuế năm 2018.

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2018-152-1

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2018

Kiểm toán viên

Trần Thị Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2014-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100.959.315.722	88.090.802.001
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	4.317.824.263	2.063.940.796
1.	Tiền	111		4.317.824.263	2.063.940.796
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	5.200.000.000	3.750.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.200.000.000	3.750.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.450.697.573	24.245.937.665
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	19.415.369.220	19.709.564.176
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1.693.728.569	1.371.689.105
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	3.341.599.784	3.164.684.384
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	66.747.406.865	57.867.588.741
1.	Hàng tồn kho	141		66.747.406.865	57.867.588.741
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		243.387.021	163.334.799
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	119.855.495	85.128.463
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		123.531.526	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	78.206.336
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44.640.405.500	43.292.439.852
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		18.200.883.894	17.907.863.210
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	18.186.140.095	17.883.234.183
	- Nguyên giá	222		55.980.639.343	54.094.724.135
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(37.794.499.248)	(36.211.489.952)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	14.743.799	24.629.027
	- Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(80.256.201)	(70.370.973)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	3.625.003.066	2.549.989.544
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.625.003.066	2.549.989.544
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	1.597.663.713	1.357.685.952
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		397.663.713	157.685.952
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.200.000.000	1.200.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		21.216.854.827	21.476.901.146
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	21.216.854.827	21.476.901.146
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		145.599.721.222	131.383.241.853

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		99.924.922.636	99.990.073.109
I.	Nợ ngắn hạn	310		97.367.933.596	96.300.428.169
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	3.514.788.397	7.596.942.544
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	17.748.507.391	19.375.514.835
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	5.513.405.099	6.979.581.998
4.	Phải trả người lao động	314		664.525.303	511.420.703
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	204.041.929	237.133.570
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	651.972.447	1.563.627.028
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	69.069.122.277	60.034.636.738
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.570.753	1.570.753
II.	Nợ dài hạn	330		2.556.989.040	3.689.644.940
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.13	-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	2.556.989.040	3.689.644.940
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		45.674.798.586	31.393.168.744
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	45.674.798.586	31.393.168.744
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.500.000.000	27.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.500.000.000	27.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.475.755.461	1.475.755.461
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.699.043.125	2.917.413.283
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		277.413.283	216.517.521
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		3.421.629.842	2.700.895.762
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		145.599.721.222	131.383.241.853

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2018

Người lập biểu



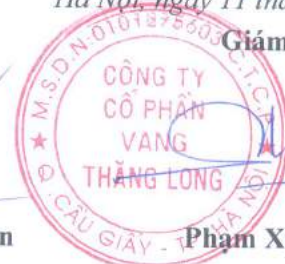
Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên

Giám đốc



Phạm Xuân Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 đến 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	74.276.377.845	82.754.973.020
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	716.367.807	2.974.397.309
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		73.560.010.038	79.780.575.711
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	57.384.759.576	61.664.639.013
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.175.250.462	18.115.936.698
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	338.253.075	246.361.186
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	6.780.767.595	6.297.839.185
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.756.877.510	6.296.954.640
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		69.977.761	57.685.952
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	2.684.855.764	3.509.639.953
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	3.983.097.732	4.823.665.727
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.134.760.207	3.788.838.971
12.	Thu nhập khác	31	VI.06	993.800.896	927.191.588
13.	Chi phí khác	32	VI.07	85.352.871	859.429.596
14.	Lợi nhuận khác	40		908.448.025	67.761.992
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.043.208.232	3.856.600.963
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	621.578.390	1.155.705.201
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.421.629.842	2.700.895.762
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		3.421.629.842	2.700.895.762
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	876	923
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	876	923

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2018

Người lập biểu



Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên

Giám đốc



Phạm Xuân Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 đến 31 tháng 3 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		88.663.138.261	94.930.024.917
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(64.110.941.992)	(61.148.213.862)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(8.920.746.363)	(5.460.507.352)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(6.763.037.110)	(6.327.609.820)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		-	(1.500.365.436)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.221.632.955	3.984.021.241
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(25.428.765.575)	(15.878.439.442)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(13.338.719.824)	8.598.910.246
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.496.191.637)	(6.029.146.454)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		393.636.364	927.090.909
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.450.000.000)	(3.750.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(170.000.000)	(100.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		338.253.075	246.361.186
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.384.302.198)	(8.705.694.359)

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		13.500.000.000	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		90.685.018.139	64.846.626.541
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(82.783.188.500)	(65.881.208.603)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.424.924.150)	(2.099.167.936)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		18.976.905.489	(3.133.749.998)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.253.883.467	(3.240.534.111)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.063.940.796	5.304.474.907
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		4.317.824.263	2.063.940.796

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trần Thị Hoàng Liên

Trần Thị Hoàng Liên

Phạm Xuân Hà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 đến 31 tháng 3 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính hiện tại bao gồm:

- Sản xuất rượu vang;
- Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chế biến);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Chi tiết: Sản xuất đồ uống có cồn);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu (Chi tiết: Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là dưới 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc gồm:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Cửa hàng Kinh doanh tổng hợp	Số 89, Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long – Chi nhánh Ninh Thuận	Số 62a Lê Duẩn, thành phố Phan Rang, Tháp Chàm, Ninh Thuận

- Danh sách công ty con được hợp nhất bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối năm	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Công ty TNHH MTV Rượu Vang Thăng Long	Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Địa ốc Thăng Long	Số 343 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100%	100%	100%

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết gồm:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày cuối năm	Quyền biểu quyết của Công ty	
			<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	Số 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	45%	45%	45%

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước và kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm sau.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- TSCĐ hữu hình khác	08 - 12 năm
- Phần mềm máy vi tính	08 năm
- Website	08 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.
- Các khoản chiết khấu thanh toán.
- Các chi phí khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

15. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối năm, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu năm cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong năm.

Nếu đến cuối năm kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong tập đoàn.

Việc loại trừ lãi chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối năm phát sinh từ giao dịch bán hàng giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn sẽ làm cho giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cuối năm trong Báo cáo tài chính hợp nhất nhỏ hơn cơ sở tính thuế của nó. Trường hợp này sẽ phát sinh một khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Thuế thu nhập doanh nghiệp”. Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ này sẽ làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đồng thời làm giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm của cả tập đoàn. Do đó, kế toán phải phản ánh tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính của công ty con.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	1.123.727.805	184.621.730
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.194.096.458	1.879.319.066
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>4.317.824.263</u>	<u>2.063.940.796</u>

02. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	5.200.000.000	5.200.000.000	3.750.000.000	3.750.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	5.200.000.000	5.200.000.000	3.750.000.000	3.750.000.000
Cộng	5.200.000.000	5.200.000.000	3.750.000.000	3.750.000.000

(*): Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng, lãi suất 6,5%/năm.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm					Số đầu năm				
	% lợi ích	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	% lợi ích	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			270.000.000	397.663.713	-			100.000.000	157.685.952	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long (**)	45	45	270.000.000	397.663.713	-	45	45	100.000.000	157.685.952	-
- Đầu tư vào đơn vị khác			1.200.000.000	1.200.000.000	-			1.200.000.000	1.200.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Rượu Hapro	2,5	2,5	1.000.000.000	1.000.000.000	-	2,5	2,5	1.000.000.000	1.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Thăng Long	4,76	4,76	200.000.000	200.000.000	-	4,7	4,7	200.000.000	200.000.000	-
Cộng			1.470.000.000	1.597.663.713	-			1.300.000.000	1.357.685.952	-

(*): Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty liên kết được xác định theo phương pháp vốn chủ.

(**): Trong năm Công ty góp 170.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long. Đến ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty đã góp đủ số vốn cam kết góp là 270.000.000 đồng, tương đương 27.000 cổ phần, chiếm 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm:

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long		
Doanh thu bán hàng hóa	67.207.088	123.255.253
Doanh thu bán thành phẩm	41.506.944.211	28.285.275.682
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.756.100.188	2.043.636.832
Chuyển tiền góp vốn	170.000.000	100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

03. Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Công ty TNHH Tuấn Đạt	19.415.369.220	19.709.564.176
- Công ty cổ phần Thực phẩm Nông sản và Du lịch Thanh Hóa	2.736.809.496	2.095.753.496
- Hộ kinh doanh cá thể Công Thị Loan	-	11.445.734
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	9.512.070.355	563.506.569
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	7.166.489.369	7.017.384.544
b. Phải thu của khách hàng dài hạn		
Cộng	<u>19.415.369.220</u>	<u>19.709.564.176</u>

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vang Thăng Long	9.512.070.355	7.017.384.544
Cộng	<u>9.512.070.355</u>	<u>7.017.384.544</u>

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Trung tâm Tư vấn Thiết kế và Xây dựng	1.693.728.569	1.371.689.105
- Cty CP dịch vụ địa chính Tây Hồ	198.000.000	-
- Công ty cổ phần công nghệ MNB Việt Nam	395.500.000	395.500.000
- Võ Thị Bích Liễu	596.750.000	-
- Công ty TNHH MTV Trường Lộc Thành	350.000.000	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	-	348.000.000
b. Trả trước cho người bán dài hạn		
Cộng	<u>1.693.728.569</u>	<u>1.371.689.105</u>

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
- Tạm ứng	3.341.599.784	-	3.164.684.384	-
- Phải thu ngắn hạn khác (*)	1.054.689.472	-	867.188.554	-
b. Dài hạn	2.286.910.312	-	2.297.495.830	-
Cộng	<u>3.341.599.784</u>	<u>-</u>	<u>3.164.684.384</u>	<u>-</u>

(*) Trong đó, các khoản chi khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên phát sinh từ năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa có nguồn để bù đắp là 2.045.035.045 đồng. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/CPVTL-ĐHCD ngày 05 tháng 6 năm 2018, khoản chi quỹ khen thưởng phúc lợi này dự kiến được bù đắp từ lợi nhuận sau thuế năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	8.897.612.252	-	7.694.403.542	-
- Công cụ, dụng cụ	291.433.844	-	514.811.961	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	45.792.321.482	-	38.156.337.725	-
- Thành phẩm	6.262.306.390	-	4.918.852.060	-
- Hàng hoá	1.425.102.163	-	2.100.062.833	-
- Hàng gửi đi bán	4.078.630.734	-	4.483.120.620	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	66.747.406.865	-	57.867.588.741	-

07. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang	3.625.003.066	2.549.989.544
- Xây dựng cơ bản	3.625.003.066	2.549.989.544
+ Công trình 181 Lạc Long Quân	1.713.885.855	929.691.727
+ Công trình 343 Lạc Long Quân	1.911.117.211	1.620.297.817
Cộng	3.625.003.066	2.549.989.544

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	13.355.914.367	35.537.378.608	2.905.469.690	349.239.818	1.946.721.652	54.094.724.135
- Mua trong năm	-	2.142.282.000	353.909.637	-	-	2.496.191.637
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(419.705.000)	(190.571.429)	-	-	(610.276.429)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	13.355.914.367	37.259.955.608	3.068.807.898	349.239.818	1.946.721.652	55.980.639.343
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	10.040.497.219	22.747.630.316	1.752.493.227	332.436.206	1.338.432.984	36.211.489.952
- Khấu hao trong năm	363.673.780	1.437.303.346	222.327.704	9.248.124	152.781.396	2.185.334.350
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(419.705.000)	(182.620.054)	-	-	(602.325.054)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	10.404.170.999	23.765.228.662	1.792.200.877	341.684.330	1.491.214.380	37.794.499.248
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	3.315.417.148	12.789.748.292	1.152.976.463	16.803.612	608.288.668	17.883.234.183
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	2.951.743.368	13.494.726.946	1.276.607.021	7.555.488	455.507.272	18.186.140.095

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 25.601.463.951 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 27.844.063.306 đồng và 11.127.978.035 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Website	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>60.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>95.000.000</i>
- Mua trong năm	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>60.000.000</i>	<i>35.000.000</i>	<i>95.000.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>51.278.977</i>	<i>19.091.996</i>	<i>70.370.973</i>
- Khấu hao trong năm	5.510.232	4.374.996	9.885.228
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>56.789.209</i>	<i>23.466.992</i>	<i>80.256.201</i>
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>8.721.023</i>	<i>15.908.004</i>	<i>24.629.027</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>3.210.791</i>	<i>11.533.008</i>	<i>14.743.799</i>

10. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	119.855.495	85.128.463
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	5.336.364	-
- Phí bảo hiểm	55.882.333	47.204.644
- Các khoản khác	58.636.798	37.923.819
b. Dài hạn	21.216.854.827	21.476.901.146
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	583.206.973	244.005.508
- Trả trước tiền thuê đất tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro	19.610.806.856	20.248.935.200
- Chi phí sửa chữa	680.627.717	836.242.664
- Các khoản khác	342.213.281	147.717.774
Cộng	21.336.710.322	21.562.029.609

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	60.034.636.738	60.034.636.738	91.817.674.039	82.783.188.500	69.069.122.277	69.069.122.277
- Vay ngân hàng	39.529.227.047	39.529.227.047	60.991.312.488	57.588.594.998	42.931.944.537	42.931.944.537
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tây Hồ ^(a)	9.716.562.994	9.716.562.994	11.914.814.930	15.416.562.994	6.214.814.930	6.214.814.930
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng ^(b)	17.919.958.917	17.919.958.917	20.496.533.496	19.522.829.493	18.893.662.920	18.893.662.920
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(c)	11.892.705.136	11.892.705.136	28.579.964.062	22.649.202.511	17.823.466.687	17.823.466.687
- Vay đối tượng khác	18.919.753.791	18.919.753.791	29.000.705.651	23.608.937.602	24.311.521.840	24.311.521.840
+ Các cá nhân ^(d)	18.919.753.791	18.919.753.791	29.000.705.651	23.608.937.602	24.311.521.840	24.311.521.840
- Vay dài hạn đến hạn trả	1.585.655.900	1.585.655.900	1.825.655.900	1.585.655.900	1.825.655.900	1.825.655.900
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(e)	1.193.655.900	1.193.655.900	1.193.655.900	1.193.655.900	1.193.655.900	1.193.655.900
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn ^(f)	392.000.000	392.000.000	392.000.000	392.000.000	392.000.000	392.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng ^(g)	-	-	240.000.000	-	240.000.000	240.000.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.689.644.940	3.689.644.940	693.000.000	1.825.655.900	2.556.989.040	2.556.989.040
Từ 1 năm đến 5 năm	3.689.644.940	3.689.644.940	693.000.000	1.825.655.900	2.556.989.040	2.556.989.040
- Vay ngân hàng	3.689.644.940	3.689.644.940	693.000.000	1.825.655.900	2.556.989.040	2.556.989.040
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(e)	2.611.644.940	2.611.644.940	-	1.193.655.900	1.417.989.040	1.417.989.040
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn ^(f)	1.078.000.000	1.078.000.000	-	392.000.000	686.000.000	686.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng ^(g)	-	-	693.000.000	240.000.000	453.000.000	453.000.000
Cộng	63.724.281.678	63.724.281.678	92.510.674.039	84.608.844.400	71.626.111.317	71.626.111.317

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển bao gồm các loại nguyên vật liệu, vật tư sản xuất thành phẩm rượu và quyền thuê đất tại địa chỉ số 343 đường Lạc Long Quân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, lãi suất vay trong năm là 8,9%/năm.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/259662/HĐTDHM ngày 21/6/2017, với hạn mức là 20.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 02 xe ô tô, 03 xe nâng hàng, 100 téc inox, hợp đồng tiền gửi, 75 tank inox và thế chấp một số tài sản của ông Phạm Xuân Hà - Chủ tịch Hội đồng quản trị tại số 8a phố Đặng Tất, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội lãi suất vay trong năm là 9,7%/năm.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 73/2017/HĐTD/TLG/01 ngày 14/3/2017 để bổ sung vốn lưu động và mở thư tín dụng nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ nguyên vật liệu sản xuất rượu vang, thành phẩm và quyền thuê đất tại kho Vĩnh Tuy, xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì, Hà Nội, lãi suất vay từ 8,6%/năm đến 9,3%/năm.
- (d) Khoản vay các đối tượng khác để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất từ 7,5%/năm đến 9,5%/năm.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (e) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thanh toán tiền mua Tank, máy móc, hệ thống đường ống Glycol và ô tô. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, lãi suất trong năm từ 9,4%/năm – 10,1%/năm.
- (f) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Sơn để thanh toán tiền mua máy chiết rót rượu vào chai. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ vốn vay, lãi suất 10,9%/năm.
- (g) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/259662/HĐTDTH ngày 06/02/2018 để thanh toán tiền lần 2, lần 3 tiền mua máy đóng nút co tự động 4 đầu của hãng Robino & Galandrino – Italia, với gốc vay là 693.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 10,9%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/259662/HĐBĐ ngày 06/02/2018.

12. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty TNHH thủy tinh Sanmiguel Yamamura Hải Phòng	1.366.041.600	1.366.041.600	4.209.420.600	4.209.420.600
- Chi nhánh KDTH - Cty CP XNK Lương thực thực phẩm Hà Nội	1.956.600.000	1.956.600.000	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	192.146.797	192.146.797	3.387.521.944	3.387.521.944
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	3.514.788.397	3.514.788.397	7.596.942.544	7.596.942.544

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.748.507.391	19.375.514.835
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tân Á	16.500.000.000	16.500.000.000
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.248.507.391	2.875.514.835
b. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
Cộng	17.748.507.391	19.375.514.835

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	899.609.055	5.305.133.689	6.149.248.060	-	55.494.684
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	6.040.050.091	11.337.000.489	12.499.567.764	-	4.877.482.816
- Thuế xuất nhập khẩu	-	-	1.013.938.081	1.013.938.081	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	78.206.336	-	621.578.390	-	-	543.372.054
- Thuế thu nhập cá nhân	-	39.922.852	205.236.284	208.103.591	-	37.055.545
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.780.801.308	2.780.801.308	-	-
Cộng	78.206.336	6.979.581.998	21.272.688.241	22.660.658.804	-	5.513.405.099

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Chi phí phải trả ngắn hạn	204.041.929	237.133.570
- Chi phí lãi vay	64.756.856	62.133.570
- Các khoản trích trước khác	139.285.073	175.000.000
b. Chi phí phải trả dài hạn	-	-
Cộng	204.041.929	237.133.570

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	651.972.447	1.563.627.028
- Kinh phí công đoàn	23.219.924	23.341.992
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	628.752.523	1.540.285.036
+ Cổ tức phải trả	65.907.914	60.832.064
+ Các đối tượng khác	562.844.609	1.479.452.972
b. Dài hạn	-	-
Cộng	651.972.447	1.563.627.028

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	27.000.000.000	1.475.755.461	2.826.517.521	31.302.272.982
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	2.700.895.762	2.700.895.762
Chia cổ tức	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	(2.610.000.000)	(2.610.000.000)
Số dư cuối năm trước	27.000.000.000	1.475.755.461	2.917.413.283	31.393.168.744
Số dư đầu năm nay	27.000.000.000	1.475.755.461	2.917.413.283	31.393.168.744
Tăng vốn trong năm nay(*)	13.500.000.000	-	-	13.500.000.000
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	3.421.629.842	3.421.629.842
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận(**)	-	-	(2.640.000.000)	(2.640.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	40.500.000.000	1.475.755.461	3.699.043.125	45.674.798.586

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 12 năm 2016, khoản vốn tăng này được Công ty bổ sung vốn lưu động phù hợp với mục đích sử dụng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 15/2016/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 12 năm 2016 về việc thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng, cụ thể như sau:

	Số tiền
Đầu tư mở rộng hệ thống phân phối	4.000.000.000
Nhập nguyên vật liệu	6.000.000.000
Nghiên cứu sản phẩm	3.500.000.000
Cộng	13.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thực tế vốn huy động được từ đợt phát hành trong năm là 13.500.000.000 đồng.

Tổng số vốn tăng trong năm được Công ty sử dụng như sau:

	Đơn vị tính: VND
	<u>Số tiền</u>
Chi phí nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12.824.574.994
Mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh	643.885.600
Cộng	<u>13.468.460.594</u>

Ngày 29 tháng 5 năm 2018 Hội đồng quản trị ra Nghị quyết số 20/NQ/CPVTL-HĐQT về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn của đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 09/GCN-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Mục đích sử dụng vốn được thay đổi là: mua nguyên vật liệu, thanh toán tiền vay mua nguyên vật liệu và mua sắm thiết bị máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc thay đổi mục đích sử dụng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/CPVTL-ĐHCD ngày 05 tháng 6 năm 2018.

(**) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 Công ty Cổ phần Vang Thăng Long số 01/CPVTL ngày 23 tháng 5 năm 2017. Chi tiết phân phối lợi nhuận trong năm:

	<u>Số tiền</u>
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	210.000.000
Trích cổ tức chi trả	2.430.000.000
Tổng phân phối lợi nhuận	<u>2.640.000.000</u>

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	16.199.320.000	40	10.799.550.000	40
Vốn góp của các cổ đông khác	24.300.680.000	60	16.200.450.000	60
Cộng	<u>40.500.000.000</u>	100	<u>27.000.000.000</u>	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.000.000.000	27.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	13.500.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	40.500.000.000	27.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.430.000.000	2.160.000.000

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.050.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.050.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.050.000	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.050.000	2.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.050.000	2.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

e. Các quỹ của Công ty

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	1.475.755.461	1.475.755.461
Cộng	1.475.755.461	1.475.755.461

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nợ khó đòi đã xử lý	300.006.933	-
+ Công ty TNHH Hoàng Anh I	16.500.000	-
+ Văn phòng Tư vấn chuyển giao CNXD	44.380.000	-
+ Công ty TNHH SX TM dịch vụ Long Phan	24.750.000	-
+ Công ty CP định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam	35.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Sáng tạo	4.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và phát triển thương hiệu Hoa Lan	20.900.000	-
+ DNTN Thành Công (Lạng Sơn)	13.377.901	-
+ DNTN Hoàng Anh (Uông Bí, Quảng Ninh)	35.875.176	-
+ Hộ kinh doanh Minh Đức	98.455.456	-
+ Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại Việt Thành	6.768.400	-
Cộng	300.006.933	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng	35.033.445.933	33.154.903.759
- Doanh thu bán thành phẩm	31.617.238.857	29.719.478.747
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.433.966.563	2.070.666.832
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	5.191.726.492	17.809.923.682
Cộng	74.276.377.845	82.754.973.020

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại	362.745.716	291.538.414
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	353.622.091	2.682.858.895
Cộng	716.367.807	2.974.397.309

03. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	33.147.112.583	30.118.734.152
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	23.563.904.513	21.631.245.016
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	310.474.000	122.521.512
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	363.268.480	9.790.494.199
- Giá trị hàng tồn kho hủy trong năm	-	1.644.134
Cộng	57.384.759.576	61.664.639.013

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	338.253.075	246.361.186
Cộng	338.253.075	246.361.186

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	6.756.877.510	6.296.954.640
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	10.497.393	884.545
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	12.739.266	-
- Chi phí tài chính khác	653.426	-
Cộng	6.780.767.595	6.297.839.185

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	386.775.898	927.090.909
- Các khoản khác	607.024.998	100.679
Cộng	993.800.896	927.191.588

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt hành chính	84.848.712	859.415.765
- Các khoản khác	504.159	13.831
Cộng	85.352.871	859.429.596

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	3.983.097.732	4.823.665.727
- Chi phí nhân viên quản lý	1.968.681.319	1.471.309.414
- Chi phí đồ dùng văn phòng	87.617.814	169.700.109
- Chi phí khấu hao TSCĐ	81.337.159	86.652.132
- Thuế, phí và lệ phí	292.737.298	1.833.241.162
- Chi phí dự phòng	300.006.933	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.062.730.429	702.602.125
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	189.986.780	560.160.785
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	2.684.855.764	3.509.639.953
- Chi phí nhân viên	816.699.023	684.680.697
- Chi phí vật liệu, bao bì	30.150.367	12.870.429
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.804.546	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	123.816.792	126.816.792
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	985.509.806	1.934.828.872
- Chi phí khác	724.875.230	750.443.163
Cộng	6.667.953.496	8.333.305.680

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	621.578.390	1.155.705.201
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	621.578.390	1.155.705.201

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.421.629.842	2.700.895.762
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.421.629.842	2.700.895.762
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	-	210.000.000
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.905.753	2.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	876	923

^(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận tại chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2018.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	3.421.629.842	2.700.895.762
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.421.629.842	2.700.895.762
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	-	210.000.000
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.905.753	2.700.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	876	923

^(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận tại chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.274.253.854	14.537.454.066
- Chi phí nhân công	9.238.210.171	7.341.183.754
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.195.219.578	2.305.104.328
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.453.339.032	13.067.403.838
- Chi phí khác	6.240.763.526	5.531.259.997
- Chi phí dự phòng	300.006.933	-
Cộng	41.701.793.094	42.782.405.983

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	305.380.676	238.267.808
Cộng	305.380.676	238.267.808

03. Thay đổi chính sách kế toán

Điều chỉnh hồi tố

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm tài chính từ ngày 01 tháng 4 năm 2016 đến 31 tháng 3 năm 2017 được điều chỉnh lại do số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được trừ khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Số liệu điều chỉnh lại cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.000	(77)	923
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.000	(77)	923

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến, bao bì;
- Dịch vụ: Dịch vụ vận chuyển, dịch vụ nhân công;
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực Sản xuất rượu</u>	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</u>	<i>Đơn vị tính: VND</i> <u>Cộng</u>
Năm nay					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	30.900.871.050	35.033.445.933	2.433.966.563	5.191.726.492	73.560.010.038
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	29.041.915.019	39.357.733.137	741.960.037	1.283.641.638	70.425.249.831
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	1.858.956.031	(4.324.287.204)	1.692.006.526	3.908.084.854	3.134.760.207
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	2.302.240.909	181.351.257	12.599.471	-	2.496.191.637
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.218.533.241	885.708.861	61.535.076	131.256.233	3.297.033.411
Số dư cuối năm nay					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	64.319.640.246	57.622.060.210	4.003.322.086	8.539.210.704	134.484.233.246
- Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	64.319.640.246	57.622.060.210	4.003.322.086	8.539.210.704	11.115.487.976
- Nợ phải trả bộ phận	35.044.234.467	39.730.928.343	2.760.326.554	22.387.862.519	99.923.351.883
- Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	1.570.753
Tổng nợ phải trả	35.044.234.467	39.730.928.343	2.760.326.554	22.387.862.519	99.924.922.636

Đơn vị tính: VND

	<u>Lĩnh vực Sản xuất rượu</u>	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</u>	<u>Cộng</u>
Năm trước					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	26.745.081.438	33.154.903.759	2.070.666.832	17.809.923.682	79.780.575.711
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	26.435.805.048	36.072.734.133	494.374.508	12.988.823.051	75.991.736.740
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	309.276.390	(2.917.830.374)	1.576.292.324	4.821.100.631	3.788.838.971
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	6.029.146.454	-	-	-	6.029.146.454
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.717.669.170	1.754.173.541	109.555.708	1.190.137.679	5.771.536.098
Số dư cuối năm trước					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	50.142.034.551	46.304.269.403	2.891.901.467	24.873.409.684	124.211.615.105
- Tài sản không phân bổ					7.171.626.748
Tổng tài sản	50.142.034.551	46.304.269.403	2.891.901.467	24.873.409.684	131.383.241.853
- Nợ phải trả bộ phận	33.519.445.235	41.552.835.927	2.595.153.940	22.321.067.254	99.988.502.356
- Nợ phải trả không phân bổ					1.570.753
Tổng nợ phải trả	33.519.445.235	41.552.835.927	2.595.153.940	22.321.067.254	99.990.073.109

Khu vực địa lý kinh doanh:

Toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.317.824.263	-	2.063.940.796	-	4.317.824.263	2.063.940.796
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.646.344.487	-	19.859.924.961	-	19.646.344.487	19.859.924.961
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.200.000.000	-	3.750.000.000	-	5.200.000.000	3.750.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	30.364.168.750	-	26.873.865.757	-	30.364.168.750	26.873.865.757

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	3.514.788.397	7.596.942.544	3.514.788.397	7.596.942.544
Vay và nợ	71.626.111.317	63.724.281.678	71.626.111.317	63.724.281.678
Chi phí phải trả	204.041.929	237.133.570	204.041.929	237.133.570
Các khoản phải trả khác	108.801.550	372.857.055	108.801.550	372.857.055
Cộng	75.453.743.193	71.931.214.847	75.453.743.193	71.931.214.847

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

06. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.08 và V.11). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Đơn vị tính: VND

Tài sản thế chấp	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Điều kiện thế chấp
Số cuối năm			
Tài sản thế chấp tại ngân hàng			
TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hai Bà Trưng			
Máy móc thiết bị	14.010.373.477	1.067.887.539	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Phương tiện vận tải truyền dẫn	1.830.012.678	535.323.013	
Tài sản thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Sơn			
Máy móc thiết bị	2.800.000.000	2.365.448.016	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Tài sản thế chấp tại ngân hàng			
TMCP Tiên Phong			
Máy móc thiết bị	8.375.391.818	6.744.418.791	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Phương tiện vận tải truyền dẫn	828.285.333	414.900.676	
Tổng cộng	27.844.063.306	11.127.978.035	
Số đầu năm			
Tài sản thế chấp tại ngân hàng			
TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hai Bà Trưng			
Máy móc thiết bị	19.203.260.295	5.438.083.706	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Phương tiện vận tải truyền dẫn	2.020.584.107	674.919.631	
Tài sản thế chấp tại ngân hàng			
TMCP Tiên Phong			
Máy móc thiết bị	5.352.210.000	4.678.420.454	Giải chấp khi các khoản vay được trả
Phương tiện vận tải truyền dẫn	828.285.333	478.056.832	
Tổng cộng	27.404.339.735	11.269.480.623	

07. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

08. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	3.514.788.397	-	-	3.514.788.397
Vay và nợ	69.069.122.277	2.556.989.040	-	71.626.111.317
Chi phí phải trả	204.041.929	-	-	204.041.929
Các khoản phải trả khác	108.801.550	-	-	108.801.550
Cộng	72.896.754.153	2.556.989.040	-	75.453.743.193
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	7.596.942.544	-	-	7.596.942.544
Vay và nợ	60.034.636.738	3.689.644.940	-	63.724.281.678
Chi phí phải trả	237.133.570	-	-	237.133.570
Các khoản phải trả khác	372.857.055	-	-	372.857.055
Cộng	68.241.569.907	3.689.644.940	-	71.931.214.847

09. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 89 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” và “Lãi suy giảm trên cổ phiếu” được điều chỉnh lại theo quy định của chế độ kế toán (chi tiết thuyết minh số VIII.03).

11. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2018

Người lập biểu



Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên

Giám đốc



Phạm Xuân Hà